

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Cầu lông 2 – HP (23401309)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2122110215	Nguyễn Đăng	Bảo	18/10/2004	Công nghệ thông tin F	10.0	8.0	8.0	8.0	8.5	
2	2122110232	Nguyễn Thanh	Bình	30/11/2004	Công nghệ thông tin F	10.0	7.0	9.0	9.0	8.8	
3	2122130095	Nguyễn Thị Thùy	Chung	01/11/2004	Công nghệ may C	10.0	5.0	6.0	6.0	6.8	
4	2122110202	Nguyễn Phước	Dương	20/10/2004	Công nghệ thông tin F	10.0	8.0	7.0	7.0	8.0	
5	2122110214	Quách Văn	Duy	24/03/2004	Công nghệ thông tin F	10.0	8.0	10.0	10.0	9.5	
6	2122130106	Huỳnh Kiều	Duyên	05/10/2004	Công nghệ may D	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
7	2122130096	Nguyễn Thị Hoàng	Giang	20/09/2003	Công nghệ may C	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
8	2122110237	Lê Nhật	Hân	29/01/2003	Công nghệ thông tin F	10.0	9.0	8.0	8.0	8.8	
9	2122130099	Phan Hiếu	Hân	15/01/2004	Công nghệ may D	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
10	2122130110	Nông Thị	Hạnh	06/03/2003	Công nghệ may D	8.0	7.0	9.0	9.0	8.3	
11	2122130069	Bùi Thu	Hiền	08/06/2004	Công nghệ may C	8.0	5.0	5.0	5.0	5.8	
12	2122130093	Nguyễn Thị	Hiền	04/01/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
13	2122130111	Ma Thị Thanh	Hiếu	05/05/2003	Công nghệ may D	8.0	7.0	8.0	8.0	7.8	
14	2122130091	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	10/06/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
15	2122130080	Đỗ Gia	Huy	08/04/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
16	2122110498	Lương Hoàng	Huy	22/08/2004	Công nghệ thông tin F	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
17	2122110209	Phạm Gia	Huy	19/09/2004	Công nghệ thông tin F	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
18	2122110497	Lê Nguyên	Khang	30/09/2004	Công nghệ thông tin F	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
19	2122110228	Nguyễn Trọng	Khoa	27/09/2004	Công nghệ thông tin F	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
20	2122110226	Đình Văn	Kiên	16/08/2004	Công nghệ thông tin F	5.0	5.0	7.0	7.0	6.0	
21	2122110240	Phạm Văn	Kiệt	20/05/2004	Công nghệ thông tin F	10.0	7.0	9.0	9.0	8.8	
22	2122110230	Đoàn Xuân	Lâm	16/03/2004	Công nghệ thông tin F	8.0	7.0	9.0	9.0	8.3	
23	2122110206	Trương Tấn Hoàng	Lân	18/07/2004	Công nghệ thông tin F	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
24	2122130092	Huỳnh Thị Ngọc	Liều	25/02/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
25	2122130108	Đình Thị Thùy	Linh	15/09/2004	Công nghệ may D	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
26	2122130090	Trần Thị Mỹ	Linh	07/03/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
27	2122110216	Nguyễn Tiến Hoàng	Long	23/08/2003	Công nghệ thông tin F	10.0	7.0	10.0	10.0	9.3	
28	2122130076	Hồ Bửu	Lưu	19/07/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
29	2122130066	Nguyễn Thị Trà	My	15/05/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
30	2122110448	Vũ Đình	Nam	18/12/2004	Công nghệ thông tin F	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
31	2122110217	Bùi Nguyên	Ngà	17/05/2004	Công nghệ thông tin F	8.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
32	2122130089	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/09/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
33	2122130067	Phan Thị Kim	Ngân	18/12/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
34	2122110449	Lê Ánh	Ngọc	28/09/2004	Công nghệ thông tin F	6.0	5.0	7.0	7.0	6.3	
35	2122110213	Huỳnh Anh	Nhật	06/09/2004	Công nghệ thông tin F	5.0	5.0	6.0	6.0	5.5	
36	2122130082	Đỗ Thị	Nhi	17/11/2004	Công nghệ may C	8.0	5.0	5.0	5.0	5.8	
37	2122130070	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	23/03/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
38	2122110235	Nguyễn Tấn	Phát	19/04/2004	Công nghệ thông tin F	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
39	2122110220	Nguyễn Xuân	Phát	26/05/2004	Công nghệ thông tin F	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
40	2122110496	Trần Xuân	Phòng	24/04/1996	Công nghệ thông tin F	10.0	7.0	5.0	5.0	6.8	
41	2122110208	Lê Thị Anh	Phương	01/01/2003	Công nghệ thông tin F	5.0	5.0	6.0	6.0	5.5	
42	2122130109	Nguyễn Hoàng Ánh	Phương	14/07/2004	Công nghệ may D	10.0	7.0	9.0	9.0	8.8	
43	2122130063	Nguyễn Nhã	Phương	27/01/2004	Công nghệ may D	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
44	2122130105	Nguyễn Thị Bích	Phường	19/02/2004	Công nghệ may D	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
45	2122130087	Nguyễn Quan Thiên	Quý	12/07/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
46	2122110234	Võ Thanh	Sang	19/06/2004	Công nghệ thông tin F	8.0	5.0	5.0	5.0	5.8	
47	2122110236	Nguyễn Trường	Sinh	24/11/2004	Công nghệ thông tin F	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
48	2122110210	Lê Chí	Tài	01/07/2004	Công nghệ thông tin F	8.0	5.0	5.0	5.0	5.8	
49	2122110233	Trần Nữ Bích	Thái	06/11/2003	Công nghệ thông tin F	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
50	2122110203	Phạm Thị Hồng	Thắm	09/04/2004	Công nghệ thông tin F	10.0	7.0	9.0	9.0	8.8	
51	2122130077	Bùi Thị Phương	Thanh	03/10/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
52	2122130097	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	11/02/2004	Công nghệ may D	10.0	7.0	9.0	9.0	8.8	
53	2122110231	Đỗ Đăng Xuân	Thiên	20/11/2004	Công nghệ thông tin F	8.0	7.0	8.0	8.0	7.8	
54	2122110229	Ngô Phước	Thịnh	07/01/2004	Công nghệ thông tin F	10.0	7.0	9.0	9.0	8.8	
55	2122130103	Đặng Thị Kim	Thư	10/09/2004	Công nghệ may D	8.0	5.0	5.0	5.0	5.8	
56	2122110218	Từ Văn Anh	Thư	11/11/2004	Công nghệ thông tin F	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
57	2122130064	Ngô Hoài	Thươn g	18/03/2004	Công nghệ may D	10.0	7.0	5.0	5.0	6.8	
58	2122100066	Nguyễn Thanh	Thủy	18/04/2004	Kế toán B	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
59	2122130062	Lê Trần Bảo	Trang	06/12/2004	Công nghệ may D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
60	2122130065	Trần Nguyễn Phương	Trang	07/09/2004	Công nghệ may D	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
61	2122130068	Nguyễn Đình	Trí	02/10/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	10.0	10.0	9.3	
62	2122130078	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	17/09/2004	Công nghệ may C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
63	2122130084	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	07/03/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
64	2122110225	Trương Minh	Tuấn	09/07/2004	Công nghệ thông tin F	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
65	2122110239	Bùi Thị Ngọc	Tuyền	21/07/2004	Công nghệ thông tin F	10.0	7.0	6.0	6.0	7.3	
66	2122130074	Nguyễn Thị Quỳnh	Uyên	20/12/2004	Công nghệ may C	8.0	5.0	6.0	6.0	6.3	
67	2122130083	Hà Thị Hoàng	Vân	19/11/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	
68	2122110499	Lưu Hoài	Võn	19/09/2002	Công nghệ thông tin F	5.0	5.0	7.0	7.0	6.0	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
69	2122130073	Trần Thị Hồng	Xuân	20/05/2004	Công nghệ may C	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
70	2122130104	Mai Như	Ý	30/01/2004	Công nghệ may D	10.0	7.0	7.0	7.0	7.8	

TPHCM , ngày 06 tháng 11 năm 2023
Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Cầu lông 2 – HP (23401309)

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2122110215	Nguyễn Đăng	Bảo	18/10/2004	CCQ2211F	8.5	7.0	7,60	
2	2122110232	Nguyễn Thanh	Bình	30/11/2004	CCQ2211F	8.8	5.0	6,50	
3	2122130095	Nguyễn Thị Thùy	Chung	01/11/2004	CCQ2213C	6.8	5.0	5,70	
4	2122110202	Nguyễn Phước	Dương	20/10/2004	CCQ2211F	8.0	5.0	6,20	
5	2122110214	Quách Văn	Duy	24/03/2004	CCQ2211F	9.5	7.0	8,00	
6	2122130106	Huỳnh Kiều	Duyên	05/10/2004	CCQ2213D	7.8	5.0	6,10	
7	2122130096	Nguyễn Thị Hoàng	Giang	20/09/2003	CCQ2213C	7.8	5.0	6,10	
8	2122110237	Lê Nhật	Hân	29/01/2003	CCQ2211F	8.8	9.0	8,90	
9	2122130099	Phan Hiếu	Hân	15/01/2004	CCQ2213D	7.8	5.0	6,10	
10	2122130110	Nông Thị	Hạnh	06/03/2003	CCQ2213D	8.3	5.0	6,30	
11	2122130069	Bùi Thu	Hiền	08/06/2004	CCQ2213C	5.8	5.0	5,30	
12	2122130093	Nguyễn Thị	Hiền	04/01/2004	CCQ2213C	7.8	5.0	6,10	
13	2122130111	Ma Thị Thanh	Hiếu	05/05/2003	CCQ2213D	7.8	5.0	6,10	
14	2122130091	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	10/06/2004	CCQ2213C	7.8	5.0	6,10	
15	2122130080	Đỗ Gia	Huy	08/04/2004	CCQ2213C	7.3	5.0	5,90	
16	2122110498	Lương Hoàng	Huy	22/08/2004	CCQ2211F	5.0	5.0	5,00	
17	2122110209	Phạm Gia	Huy	19/09/2004	CCQ2211F	5.0	5.0	5,00	
18	2122110497	Lê Nguyên	Khang	30/09/2004	CCQ2211F	5.0	5.0	5,00	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2122110228	Nguyễn Trọng	Khoa	27/09/2004	CCQ2211F	7.8	6.0	6,70	
20	2122110226	Đinh Văn	Kiên	16/08/2004	CCQ2211F	6.0	5.0	5,40	
21	2122110240	Phạm Văn	Kiệt	20/05/2004	CCQ2211F	8.8	6.0	7,10	
22	2122110230	Đoàn Xuân	Lâm	16/03/2004	CCQ2211F	8.3	8.0	8,10	
23	2122110206	Trương Tấn Hoàng	Lân	18/07/2004	CCQ2211F	8.3	6.0	6,90	
24	2122130092	Huỳnh Thị Ngọc	Liễu	25/02/2004	CCQ2213C	7.3	5.0	5,90	
25	2122130108	Đinh Thị Thùy	Linh	15/09/2004	CCQ2213D	7.8	5.0	6,10	
26	2122130090	Trần Thị Mỹ	Linh	07/03/2004	CCQ2213C	7.8	5.0	6,10	
27	2122110216	Nguyễn Tiến Hoàng	Long	23/08/2003	CCQ2211F	9.3	9.0	9,10	
28	2122130076	Hồ Bửu	Lưu	19/07/2004	CCQ2213C	7.8	5.0	6,10	
29	2122130066	Nguyễn Thị Trà	My	15/05/2004	CCQ2213C	7.8	5.0	6,10	
30	2122110448	Vũ Đình	Nam	18/12/2004	CCQ2211F	5.0	9.0	7,40	
31	2122110217	Bùi Nguyên	Ngà	17/05/2004	CCQ2211F	7.3	6.0	6,50	
32	2122130089	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/09/2004	CCQ2213C	7.3	6.0	6,50	
33	2122130067	Phan Thị Kim	Ngân	18/12/2004	CCQ2213C	7.8	5.0	6,10	
34	2122110449	Lê Ánh	Ngọc	28/09/2004	CCQ2211F	6.3	5.0	5,50	
35	2122110213	Huỳnh Anh	Nhật	06/09/2004	CCQ2211F	5.5	10.0	8,20	
36	2122130082	Đỗ Thị	Nhi	17/11/2004	CCQ2213C	5.8	7.0	6,50	
37	2122130070	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	23/03/2004	CCQ2213C	7.8	8.0	7,90	
38	2122110235	Nguyễn Tấn	Phát	19/04/2004	CCQ2211F	0.0	0.0	0,00	Vắng
39	2122110220	Nguyễn Xuân	Phát	26/05/2004	CCQ2211F	7.8	6.0	6,70	
40	2122110496	Trần Xuân	Phòng	24/04/1996	CCQ2211F	6.8	5.0	5,70	
41	2122110208	Lê Thị Anh	Phương	01/01/2003	CCQ2211F	5.5	6.0	5,80	
42	2122130109	Nguyễn Hoàng Ánh	Phương	14/07/2004	CCQ2213D	8.8	5.0	6,50	
43	2122130063	Nguyễn Nhã	Phương	27/01/2004	CCQ2213D	7.8	5.0	6,10	
44	2122130105	Nguyễn Thị Bích	Phường	19/02/2004	CCQ2213D	7.3	9.0	8,30	
45	2122130087	Nguyễn Quan Thiên	Quý	12/07/2004	CCQ2213C	7.8	5.0	6,10	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2122110234	Võ Thanh	Sang	19/06/2004	CCQ2211F	5.8	5.0	5,30	
47	2122110236	Nguyễn Trường	Sinh	24/11/2004	CCQ2211F	7.8	5.0	6,10	
48	2122110210	Lê Chí	Tài	01/07/2004	CCQ2211F	5.8	8.0	7,10	
49	2122110233	Trần Nữ Bích	Thái	06/11/2003	CCQ2211F	5.0	5.0	5,00	
50	2122110203	Phạm Thị Hồng	Thắm	09/04/2004	CCQ2211F	8.8	6.0	7,10	
51	2122130077	Bùi Thị Phương	Thanh	03/10/2004	CCQ2213C	7.8	5.0	6,10	
52	2122130097	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	11/02/2004	CCQ2213D	8.8	5.0	6,50	
53	2122110231	Đỗ Đăng Xuân	Thiên	20/11/2004	CCQ2211F	7.8	5.0	6,10	
54	2122110229	Ngô Phước	Thịnh	07/01/2004	CCQ2211F	8.8	5.0	6,50	
55	2122130103	Đặng Thị Kim	Thư	10/09/2004	CCQ2213D	5.8	5.0	5,30	
56	2122110218	Từ Vân Anh	Thư	11/11/2004	CCQ2211F	7.3	5.0	5,90	
57	2122130064	Ngô Hoài	Thương	18/03/2004	CCQ2213D	6.8	5.0	5,70	
58	2122100066	Nguyễn Thanh	Thủy	18/04/2004	CCQ2210B	8.3	6.0	6,90	
59	2122130062	Lê Trần Bảo	Trang	06/12/2004	CCQ2213D	0.0	0.0	0,00	Vắng
60	2122130065	Trần Nguyễn Phương	Trang	07/09/2004	CCQ2213D	7.3	5.0	5,90	
61	2122130068	Nguyễn Đình	Trí	02/10/2004	CCQ2213C	9.3	7.0	7,90	
62	2122130078	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	17/09/2004	CCQ2213C	0.0	0.0	0,00	Vắng
63	2122130084	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	07/03/2004	CCQ2213C	8.3	6.0	6,90	
64	2122110225	Trương Minh	Tuấn	09/07/2004	CCQ2211F	0.0	0.0	0,00	Vắng
65	2122110239	Bùi Thị Ngọc	Tuyền	21/07/2004	CCQ2211F	7.3	5.0	5,90	
66	2122130074	Nguyễn Thị Quỳnh	Uyên	20/12/2004	CCQ2213C	6.3	6.0	6,10	
67	2122130083	Hà Thị Hoàng	Vân	19/11/2004	CCQ2213C	7.8	5.0	6,10	
68	2122110499	Lưu Hoài	Võn	19/09/2002	CCQ2211F	6.0	6.0	6,00	
69	2122130073	Trần Thị Hồng	Xuân	20/05/2004	CCQ2213C	8.3	7.0	7,50	
70	2122130104	Mai Như	Ý	30/01/2004	CCQ2213D	7.8	6.0	6,70	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
-----	-------	-----------	-----------	---------	----------------------	-------------	---------------------	---------

TPHCM , ngày 06 tháng 11 năm 2023
Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình